

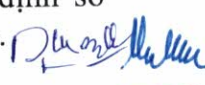
QUYẾT ĐỊNH

“V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2021 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ.
- Điều 2:** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 804/QĐ-HĐQT ngày 27/10/2015 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty. 

Nơi nhận:

- HĐQT.
- Ban điều hành.
- Như điều 2.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Đức Trí

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ**

*(Ban hành theo Quyết định số 541./QĐ-HĐQT ngày 30./6/2021
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ)*

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| Chương I | 4 |
| GIẢI THÍCH TỪ NGỮ | 4 |
| Điều 1 - Định nghĩa..... | 4 |
| Chương II | 5 |
| NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG | 5 |
| Điều 2 - Phạm vi điều chỉnh..... | 5 |
| Điều 3 - Đối tượng áp dụng | 5 |
| CHƯƠNG II | 5 |
| TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA | 5 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 5 |
| Điều 4 - Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị..... | 5 |
| Điều 5 - Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị..... | 6 |
| Điều 6 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh..... | 8 |
| Điều 7- Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong kiện toàn tổ chức Tổng Công ty..... | 8 |
| Điều 8 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty | 9 |
| Điều 9 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng và các văn bản về quản lý Tổng Công ty | 10 |
| Điều 10 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và những vấn đề khác..... | 12 |
| Điều 11- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 13 |
| Chương III | 14 |
| TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 14 |
| Điều 12- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị | 14 |
| Điều 13 - Cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị | 14 |
| Điều 14 - Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị | 16 |
| Điều 15- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 17 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 17- Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 19 |
| Điều 18- Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị..... | 21 |
| Điều 19- Các cuộc họp Hội đồng quản trị..... | 24 |
| Điều 20 - Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị..... | 26 |
| Điều 21 – Trình báo cáo hằng năm | 29 |
| Điều 22- Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 23 - Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 30 |
| Chương IV | 32 |
| MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG TỔNG CÔNG TY.... | 32 |
| Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị | 32 |
| Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành | 32 |
| Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán..... | 33 |
| Chương V..... | 33 |
| MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY/NGƯỜI QUẢN LÝ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY..... | 33 |
| Điều 27- Nguyên tắc quản lý đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty | 33 |
| Điều 28- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty | 34 |
| Điều 29- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước của Tổng Công ty | 35 |
| Chương VI..... | 36 |
| ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... | 36 |
| Điều 30- Hiệu lực thi hành..... | 36 |
| Điều 31- Bổ sung, sửa đổi..... | 36 |

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty được thông qua theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2021.
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được thông qua theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2021.

Chương I

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1 - Định nghĩa

Trong phạm vi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ này (sau đây gọi là “**Quy chế**”), trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Tổng Công ty:** là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ
- 1.2. **Cán bộ điều hành:** có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên.
- 1.3. **Người có liên quan:** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán;
- 1.4. **Hội đồng quản trị:** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty, viết tắt là “HĐQT”.
- 1.5. **Công ty mẹ:** Có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ trong mối quan hệ với Công ty con như quy định ở Điều 1.6 dưới đây.
- 1.6. **Công ty con:** Một công ty được coi là công ty con của Tổng Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;
 - b. Tổng Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - c. Tổng Công ty có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- 1.7. **Các công ty có vốn góp của Tổng Công ty:** là các công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty là thành viên, là cổ

đồng, là một bên liên doanh nhưng các công ty này lại không đủ điều kiện là Công ty con, theo định nghĩa tại Điều 1.6 ở trên.

- 1.8. **Điều lệ Tổng Công ty:** Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày [@] tháng [@] năm 2021, bao gồm XXI chương 59 điều.
- 1.9. **Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc:** Các phòng, ban chức năng, các chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc Tổng Công ty.
- 1.10. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.
- 1.11. **Luật Chứng khoán:** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2 - Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3 - Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4 - Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị Tổng Công ty được quy định như sau:

- 4.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty,

trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ của Tổng Công ty;

- 4.2. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế này nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ, chế độ phân công, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị;
- 4.3. Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung Quy chế này phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

Điều 5 - Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- 5.1. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Tổng Công ty, giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban/Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty.
- 5.2. Trực tiếp nhận và xử lý các vấn đề được báo cáo bởi người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 5.3. Trình Đại hội đồng cổ đông những vấn đề sau:
 - a. Dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Kiến nghị tổ chức lại Tổng Công ty, tái cơ cấu Tổng Công ty bao gồm: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập; chuyển đổi loại hình; giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
 - c. Xây dựng quy mô vốn điều lệ Tổng Công ty;
 - d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - f. Đề xuất mức trích lợi nhuận vào các Quỹ của Tổng Công ty hàng năm;
 - g. Đề xuất xây dựng các quỹ dự trữ khác, phương án phân phối lợi nhuận và quy chế sử dụng các quỹ của Tổng Công ty hàng năm;

- h. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty;
 - i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty;
 - j. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty hoặc các Công ty con của Tổng Công ty với những người có liên quan được quy định tại Điều 167.1 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán
 - k. Quyết định về việc thực hiện các giao dịch như quy định tại Điều 293.4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - l. Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.
- 5.4. Đình chỉ, huỷ bỏ không điều kiện các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của Tổng Công ty, vi phạm pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.
- 5.5. Báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, báo cáo về việc giám sát đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác, báo cáo về việc quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm tài chính.
- 5.6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền, giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số trách nhiệm, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong một thời gian xác định.
- 5.7. Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông và dựa trên các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch cho Tổng Giám đốc.
- 5.8. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 6 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh.

Trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định sau:

- 6.1. Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 6.2. Có quyền quyết định, phê duyệt các phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định Điều lệ và pháp luật hiện hành trừ các trường hợp quy định tại Điều 17.2(l), Điều 17.2(n) Điều lệ Tổng Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- 6.3. Phê duyệt kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính hàng năm.
- 6.4. Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới và quyết định các giải pháp công nghệ.
- 6.5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 6.6. Quyết định bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền theo Điều lệ Tổng Công ty, thay đổi địa điểm trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 7- Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong kiện toàn tổ chức Tổng Công ty

Trong việc kiện toàn tổ chức Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định sau:

- 7.1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty
- 7.2. Quyết định thành lập Công ty con dưới dạng công ty TNHH một thành viên;
- 7.3. Quyết định góp vốn vào công ty TNHH từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần;
- 7.4. Quyết định mua cổ phần của các công ty cổ phần khác;
- 7.5. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước;
- 7.6. Quyết định đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước dự kiến đầu tư và pháp luật quốc tế;

- 7.7. Phê duyệt nội dung các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty, trừ Quy chế nội bộ về quản trị thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
- 7.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Cán bộ điều hành của Tổng Công ty, người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty, cụ thể gồm:
- a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng, các lợi ích khác, và kỷ luật đối với các thành viên đó;
 - c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm người đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định tiền lương đối với người đại diện quản lý phần vốn góp này.
 - d. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh Trưởng/Phó các phòng ban hoặc Giám đốc/Phó Giám đốc các Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện và báo cáo lại HĐQT kết quả bổ nhiệm cán bộ.
- 7.9. Thực hiện giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty về Cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty trong các thủ tục pháp lý liên quan;

Điều 8 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty

Về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định sau:

- 8.1. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 8.2. Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại,
- 8.3. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng quyền cho phép người sở hữu cổ phiếu theo mức giá định trước phù hợp với Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành;

- 8.4. Quyết định huy động vốn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty bằng các hình thức khác như:
- a. Loại trái phiếu, chứng quyền đặt mua, thời điểm phát hành và tổng giá trị trái phiếu phù hợp với Điều 11 Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan;
 - b. Vay vốn từ cổ đông;
 - c. Vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- 8.5. Quyết định việc mua lại dưới 10% tổng số cổ phần đã chào bán của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
- 8.6. Phê duyệt cơ chế tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm;
- 8.7. Đề xuất định mức trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất; quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ khen thưởng Ban điều hành ;
- 8.8. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Tổng Công ty khi được ĐHCĐ uỷ quyền;
- 8.9. Quyết định giá mua lại cổ phần của Tổng Công ty theo nguyên tắc tương đương với giá thị trường theo quy định tại Điều 12.2 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng và các văn bản về quản lý Tổng Công ty

Trong việc phê duyệt và ký kết hợp đồng kinh tế (bao gồm cả các thoả thuận có giá trị như hợp đồng) và các văn bản quản lý Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định như sau:

- 9.1. Hội đồng quản trị phê duyệt và Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp ký kết các hợp đồng sau:
- a. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty
- 9.2. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ theo quy định tại Điều 17.2(l), Điều 17.2(n) và Điều 28.2(e) Điều lệ Tổng Công ty.

- 9.3. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Tổng Công ty hoặc Công ty con với một trong các đối tượng sau:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp.

Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 9.3 trên đây phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- 9.4. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Tổng Công ty hoặc Công ty con với một trong các đối tượng quy định tại Điều 9.3 ở trên phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận và thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- 9.5. Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận bằng văn bản, giám sát và ủy quyền cho Tổng Giám đốc trực tiếp ký kết các hợp đồng, thỏa thuận sau:
- a. Thoả thuận chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Tổng Công ty;

- b. Hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị từ 30% vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3 và Điều 9.4 ở trên.
 - c. Hợp đồng nhượng bán, thanh lý tài sản lưu động, tài sản cố định của Tổng Công ty có nguyên giá 5.000.000.000 (Năm tỷ) Đồng trở lên đến dưới 35% vốn điều lệ của Tổng Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
 - d. Thỏa ước lao động tập thể với đại diện tập thể người lao động;
- 9.6. Đối với các hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại từ Điều 9.1 đến Điều 9.5 nêu trên, việc phê duyệt chủ trương và ký kết được thực hiện theo Quy chế tài chính của Tổng công ty.
- 9.7. Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận bằng văn bản, giám sát và ủy quyền cho Tổng Giám đốc trực tiếp ký ban hành các văn bản sau đây về quản lý Tổng Công ty:
- a. Các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty (trừ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị, Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoa hồng môi giới, Quy chế công bố thông tin, Quy chế phân quyền nội bộ)...
 - b. Kế hoạch đầu tư, kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- 9.8. Các văn bản quản lý Tổng Công ty khác ngoài các văn bản quy định tại Điều 9.7 trên đây do Tổng Giám đốc trực tiếp ký ban hành .

Điều 10 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và những vấn đề khác

- 10.1. Trong việc tổ chức cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định như sau:
- a. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Quyết định những nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông ra quyết định;
 - d. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác trong năm tài chính.
- 10.2. Trong các vấn đề khác liên quan đến quản lý và hoạt động của Tổng Công ty, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị như sau:
- a. Trực tiếp giải quyết hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết các khiếu nại trong nội bộ Tổng Công ty, tùy từng trường hợp cụ thể;
 - b. Trực tiếp hoặc uỷ quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là Tổng Công ty.

Điều 11- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

- 11.1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- 11.2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
- 11.3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 11.4. Mọi thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc trừ trường hợp quy định tại Điều 5.4 Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 12.1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trùng với nhiệm kỳ của HĐQT; thành viên HĐQT có thể được bầu lại trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 12.2. Trường hợp, một thành viên được bầu giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 13 - Cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 13.1 Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên còn lại phụ trách các lĩnh vực chuyên môn theo phân công.
- 13.2 Việc phân công điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị quyết định.
- 13.3 Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Tổng Công ty (trừ thành viên Ban Kiểm soát) hoặc ở các Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc khác nhưng không vi phạm Điều 13.1 dưới đây, Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và phải đảm bảo tỷ lệ và yêu cầu đặt ra tại Điều 27.7 Điều lệ Tổng Công ty. Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.
- 13.4 Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị đề cử ít nhất ba (03) thành viên trong đó có Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đồng

thời thông báo cho các thành viên khác và báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại phiên họp gần nhất của Hội đồng quản trị để hợp thức hoá.

13.5 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

13.6 Mọi thành viên Hội đồng quản trị thi hành các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công, cụ thể như sau:

- a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và thông qua Tổng Giám đốc yêu cầu bất kỳ Cán bộ điều hành cấp dưới nào trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty. Cán bộ điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết các vấn đề đó;
- d. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Hội đồng quản trị và Quy chế này; thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên.
- e. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Hội đồng quản trị, Quy chế này và pháp luật có liên quan.
- f. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cao nhất của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty;
- g. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

- h. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác
- i. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- j. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật

Điều 14 - Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

14.1 Thành viên của Hội đồng quản trị phải đạt những tiêu chuẩn sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật Doanh nghiệp .
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.
- c. Không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
- d. Không là thành viên HĐQT của quá năm (05) tổ chức kinh doanh khác có ngành nghề kinh doanh liên quan đến Tổng Công ty.

14.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thay thế hoặc một người bất kỳ nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế này. Việc uỷ quyền và bãi miễn này phải lập thành văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Tổng Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ nếu họ không thông báo một địa chỉ được uỷ quyền nhận thông báo tại Việt Nam;

- c. Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình như một thành viên chính thức trước thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền và trước pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền phải liên đới chịu trách nhiệm trước Tổng Công ty đối với các hành vi và sai lầm mà thành viên thay thế thực hiện.

Điều 15- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 15.1 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14.1 ở trên và/hoặc vi phạm quy định sau:
- a. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty và được chấp thuận.
 - b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc hạn chế năng lực hành vi.
 - c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.
- 15.2 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 15.1 ở trên.
- 15.3 Các trường hợp thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định ở Điều 15.1 và Điều 15.2 ở trên phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:
- a. Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng chuyên môn tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Tổng Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, lãng phí của công; lấy tài sản của Tổng Công ty cho người khác;
 - c. Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;

- d. Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân; và
 - e. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực.
- 15.4 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.
- 15.5 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
- 15.6 Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- a. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
 - b. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 15.1 và Điều 15.2 Quy chế này.

Điều 16- Công khai các lợi ích liên quan

- 16.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, Người có liên quan và tuyên bố này phải được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và niêm yết công khai tại trụ sở của Tổng Công ty và Chi nhánh của Tổng Công ty. Bao gồm:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu

phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

- b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

16.2 Việc kê khai các lợi ích quy định tại các Điều 16.1 trên đây phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

16.3 Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Điều 17- Chủ tịch Hội đồng quản trị

17.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;

17.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản, quy định, hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua;

- f. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký giấy triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, giao việc chuẩn bị phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Tiểu ban giúp việc;
 - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Tổ chức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
 - Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Tổ chức, giám sát việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - i. Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - j. Phân công thành viên Hội đồng quản trị thẩm định các loại hợp đồng quy định tại Điều 9, Chương II Quy chế này.
- 17.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt vì các lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và đã thông báo đến Hội đồng quản trị về những sự kiện này, thì Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT;
- 17.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đồng thời đều vắng mặt hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ thì người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;
- 17.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể

từ ngày Tổng Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT.

Điều 18- Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị cử Cán bộ điều hành Tổng Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Ngoài các Tiểu ban được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, Hội đồng quản trị xem xét thành lập thêm các Tiểu ban như sau:

18.1 Ban kiểm soát nội bộ:

- a. Ban kiểm soát nội bộ: Biên chế của Ban kiểm soát nội bộ do HĐQT quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban và Điều lệ Tổng Công ty.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát nội bộ:
 - Kiểm tra và giám sát các đơn vị thực hiện các chủ trương, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc.
 - Kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định, chính sách của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Kiểm tra và đánh giá mức độ tin cậy, độ chính xác của các số liệu trong sổ sách và các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
 - Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản của đơn vị; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị

- Đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp nhằm chấn chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.
- Phân tích và đánh giá các rủi ro, phân tích các vấn đề về nguồn gốc, nguyên nhân của việc làm kém hiệu quả.
- Các công việc khác theo sự phân công của HĐQT, theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.

18.2 Tiêu ban thư ký:

- a. Tiêu ban thư ký: Biên chế của Tiêu ban do HĐQT quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiêu ban.
- b. Nhiệm vụ của Tiêu ban thư ký:
 - Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;
 - Kiểm tra tư cách đại biểu;
 - Thực hiện kiểm phiếu họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Sổ đăng ký cổ đông.
 - Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Lưu trữ thông tin Tổng Công ty: Sổ đăng ký cổ đông, Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;
 - Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - Công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán

18.3 Tiểu ban Tư vấn pháp lý:

- a. Biên chế của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban;
- b. Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:
 - Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của Tổng Công ty;
 - Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Tổng Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, nội quy hoạt động của Tổng Công ty;
 - Giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty;
 - Hỗ trợ pháp lý cho Tổng Giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;
 - Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

18.4 Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường:

- a. Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban;
- b. Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ:
 - Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;
 - Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực.

18.5 Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các tiểu ban nêu trên hoặc các tiểu ban đặc biệt khác khi nhu cầu thực tế đòi hỏi.

18.6 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 19- Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- 19.1 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường
- 19.2 Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 19.3 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- a. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ điều hành khác;
 - c. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
- 19.4 Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:
- a. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT;
 - b. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề được thảo luận tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo.
 - c. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 19.3 ở trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị tổ chức

cuộc họp tại Điều 19.3 ở trên có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

19.5 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định và được sự nhất trí của HĐQT.

19.6 Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên HĐQT tham gia họp trong cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó.

Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 19.6 này là địa điểm có đông thành viên Hội đồng quản trị nhất tập họp lại và nếu không có nhóm tập họp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này

19.7 Những người được mời họp dự thính và cho ý kiến: Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác trong Tổng Công ty (bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng), Ban kiểm soát, chuyên gia của bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

Điều 20 - Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị

20.1 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận dự họp.

20.2 Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo Điều 17.1 ở trên, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp.

20.3 Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

20.4 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Trừ quy định tại Điều 20.4(d) dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp tham dự cuộc họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.6 dưới đây;
- c. Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thính, khách mời không được biểu quyết;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

- e. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản thông qua thư, fax, thư điện tử. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị ít nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 20.5 Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo cuộc họp và cách thức thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đến các thành viên Hội đồng quản trị, đi kèm với thông báo là nội dung chương trình họp và phiếu lấy ý kiến. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến từ thành viên Hội đồng quản trị gửi đến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.
- 20.6 Những vấn đề được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua nếu có đa số phiếu biểu quyết chấp thuận. Với những vấn đề được đề cập trong Điều 20.6 dưới đây, trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị không có tính chất quyết định như đã đề cập ở Điều 20.4(d) ở trên mà phải tổ chức biểu quyết lại:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;
- c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty;
- d. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Tổng Công ty;
- e. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay bất kỳ Cán bộ điều hành hoặc người đại diện nào của Tổng Công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm trên đây không được trái với các quyền của những người bị bãi nhiệm này theo Hợp đồng lao động của họ (nếu có);
- f. Bỏ nhiệm và bãi nhiệm các Cán bộ điều hành Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

- g. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty về Cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến Cán bộ điều hành và người đại diện đó;
- h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- i. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- j. Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

20.7 Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản;
- b. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị;
- c. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian và địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Các vấn đề đã được Hội đồng quản trị thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung như ở trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của Biên bản cuộc họp phải đảm bảo các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 20.7(c) trên đây.

Điều 21 – Trình báo cáo hằng năm

- 21.1 Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 21.2 Báo cáo quy định tại các Điều 21.1(a), Điều 21.1(b) và Điều 21.1(c) ở trên phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không có quy định khác.
- 21.3 Báo cáo quy định tại các Điều 21.1 và Điều 21.2 ở trên, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm

toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22- Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị

- 22.1 Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Tổng Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.
- 22.2 Văn phòng Tổng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị. Những văn bản của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan chức năng Nhà nước thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị được gửi tới thường trực Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Tổng Giám đốc thì sao gửi cho thường trực Hội đồng quản trị để theo dõi;
- 22.3 Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải được lên kế hoạch trước ít nhất ba (03) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Giám đốc;
- 22.4 Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Cán bộ điều hành, các Giám đốc chi nhánh, những người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty có vốn góp của Tổng Công ty, các Trưởng Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi đã thông báo cho Tổng Giám đốc biết. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải được lên kế hoạch trước ít nhất ba (03) ngày và không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của những người nói trên.

Điều 23 - Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

- 19.1-1. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông cho trích một khoản kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và được tính vào chi phí quản lý của Tổng Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.
- 23.2 Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:
- a. Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:
- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp;

- Chi phí tìm kiếm thị trường: Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Chi phí tư vấn.
- b. Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.
- c. Đảm bảo thù lao tương xứng cho các thành viên trong Hội đồng quản trị.
- 23.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá định mức công tác phí theo quy định của Tổng Công ty.
- 23.4 Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị nằm trong số kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
- 23.5 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị .
- 23.6 Tuỳ theo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, ngoài thù lao, thành viên Hội đồng quản trị được nhận thêm một khoản tiền thưởng. Tổng mức thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị chỉ xem xét và thưởng cho từng thành viên trong phạm vi mức thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 23.7 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị (thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, Công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp) phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội

đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- 23.8 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 24.1 Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 24.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
- 24.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

- 26.1 Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 26.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương V

**MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VỚI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY/NGƯỜI QUẢN
LÝ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG
TY**

Điều 27- Nguyên tắc quản lý đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty

- 27.1 Hội đồng quản trị nhân danh Tổng Công ty quản lý các Công ty con và công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty đó. Hội đồng quản trị không được nhân danh Tổng Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và buộc các Công ty con hoặc công ty có phần vốn góp phải thực hiện các hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lời mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con hoặc công ty có phần vốn góp thì Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
- 27.2 Hội đồng quản trị quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con và công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty theo Điều 7.8 của Quy chế này.
- 27.3 Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn góp trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty.

- 27.4 Khi nhận được văn bản hỏi của người đại diện phần vốn góp, Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải trả lời bằng văn bản về các vấn đề được hỏi theo phân cấp được quy định tại Điều 5, Quy chế Phân quyền nội bộ của Tổng công ty trong vòng năm (05) ngày kể từ khi nhận được câu hỏi. Quá thời hạn này, nếu Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty không có văn bản trả lời thì coi như đồng ý với ý kiến của người đại diện phần vốn góp tại các Công ty con và công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 27.5 Hội đồng quản trị thay mặt Tổng Công ty giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch bằng văn bản cho người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 27.6 Hội đồng quản trị phân công các thành viên chuyên trách theo dõi hoạt động của một hoặc một số Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty. Việc theo dõi này phải đảm bảo nguyên tắc không can thiệp vào công tác điều hành của các Cán bộ điều hành, những người đại diện phần vốn góp cũng như hoạt động của những người này.
- 27.7 Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu những người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty phải có báo cáo về tình hình hoạt động của mình trong năm tài chính. Báo cáo được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất là ngày 20 tháng 01 năm kế tiếp năm báo cáo.

Điều 28- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty

Ngoài các nguyên tắc đã nêu tại Điều 27 ở trên, cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty cụ thể như sau:

- 28.1 Đối với Công ty TNHH một thành viên được quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc/Giám đốc
- a. Mọi quan hệ giữa Chủ tịch Công ty của Công ty con và Tổng Công ty cũng như Hội đồng quản trị Tổng Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty con.
 - b. Chủ tịch Công ty trực tiếp hỏi/báo cáo Hội đồng quản trị Tổng Công ty về các vấn đề nêu tại Điều 27.4.

- 28.2 Đối với Công ty TNHH một thành viên được quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc/Giám đốc.
- a. Mọi quan hệ giữa Hội đồng thành viên của Công ty con và Tổng Công ty cũng như Hội đồng quản trị Tổng Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty con
 - b. Hội đồng thành viên của Công ty con nhân danh Tổng Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty con, vì vậy, Hội đồng thành viên của Công ty con là cơ quan hỏi ý kiến/báo cáo Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đối với các vấn đề nêu tại Điều 27.4. Văn bản hỏi phải nêu ý kiến kết luận của cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty con và các ý kiến khác với ý kiến kết luận đó (nếu có) để Hội đồng quản trị Tổng Công ty lấy đó làm căn cứ để xem xét.
- 28.3 Đối với Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên mà tại đó Tổng Công ty có nhiều hơn một người đại diện phần vốn góp: những người đại diện này họp bàn với nhau để ra một văn bản hỏi ý kiến Hội đồng quản trị Tổng Công ty trong đó có nêu ý kiến kết luận và ý kiến khác với ý kiến kết luận đó.
- 28.4 Đối với các công ty có vốn góp của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị nhân danh Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, của thành viên, của một bên liên doanh theo Điều lệ của các công ty đó thông qua người đại diện phần vốn góp của mình.

Điều 29- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước của Tổng Công ty

Hội đồng quản trị không trực tiếp quản lý đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc quản lý đối với các bộ phận này và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động cũng như các vấn đề nảy sinh bất ngờ thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị.

Nếu cần thiết, Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp đối với các bộ phận này theo quy định tại Điều 22.4 của Quy chế này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30- Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Cán bộ điều hành có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Ban Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này trong Tổng Công ty.

Điều 31- Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp. *Đu*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trí